

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 02/8/2019.

V/v “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Lâm Vương.

2. Ông Dương Văn Đền.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu thành tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 276/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, về việc: “ xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 71/2019/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Diệu T, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Bến C, xã Nguyệt H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* anh Đặng Hoàng A, sinh năm 1986 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: ấp Bến C, xã Nguyệt H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Cháu Đặng Trần Thu T, sinh ngày 08/3/2005.

Địa chỉ: ấp Bến C, xã Nguyệt H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2019, và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Diệu T trình bày: trước đây vào năm 2004 chị với anh Đặng Hoàng A tự tìm hiểu quen biết nhau, sau đó dẫn đến cưới nhau, có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyệt H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/10/2008. Trong quá trình sống chung chị với anh A có 01 đứa con chung tên Đặng Trần Thu T, sinh ngày 08/3/2005, sống được một thời gian đến tháng 07 năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân nhau nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh A không chí thú lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với vợ con, mỗi khi chị phản ứng thì anh A buông lời tổn thương đến chị, về tài sản, nợ chung, không có.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân của chị với anh A bị rạn nứt không có hạnh phúc, nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh A, về con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đặng Trần Thu T, vì cháu T hiện đang sống chung với chị, chị không yêu cầu anh A phụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Hoàng A trình bày: anh với chị Trần Thị Diệu T hai người tự tìm hiểu quen biết nhau vào năm 2004, sau đó dẫn đến cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyệt H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 07/10/2008, sau ngày cưới vợ chồng anh sống bên nhà cha mẹ ruột anh ấp Bến C, xã Nguyệt H, huyện Châu T, quá trình sống chung được 01 đứa con chung tên Đặng Trần Thu T, sinh ngày 08/3/2005, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh đi chơi không lo làm ăn. Nay chị T xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý mà yêu cầu đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn và giao cho chị T nuôi cháu Thu T, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, và nợ chung của vợ chồng không có.

Cháu Đặng Trần Thu T trình bày: cháu là con ông Đặng Hoàng A, và mẹ là Trần Thị Diệu T, sau khi cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng là muốn sống với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuA theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 70;71;72, Điều 97, Điều 177; 196, các Điều 203; 205; 208; 209;210; 211; 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, nguyên đơn chị Trần Thị Diệu T có bản tự khai và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, còn anh Đặng Hoàng A có biên bản ghi lời khai, Tòa án mời hòa giải, xét xử đến lần thứ hai nhưng anh không chấp hành, vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Diệu T, cho chị Diệu T được ly hôn với anh Đặng Hoàng A, về con chung do cháu Đặng Trần Thu T, sinh ngày 08/3/2005, theo nguyện vọng của cháu T muốn sống với mẹ, nên giao cháu T cho chị Diệu T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Diệu T không yêu cầu anh A phụ cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Chị Trần Thị Diệu T và anh Đặng Hoàng A xác lập quan hệ hôn nhân, và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 07 tháng 10 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Nguyệt H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung chị Diệu T với anh A có 01 con chung tên cháu Đặng Trần Thu T, sinh ngày 08/3/2005, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh A đi chơi không lo làm ăn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không sống chung với nhau được, từ đó dẫn đến hai vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 07 năm 2018 cho đến nay.

[2] Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Trần Thị Diệu T và anh Đặng Hoàng A không có khả năng đoàn tụ được, đời sống chung ngày càng trầm trọng không thể kéo dài, nên chị Diệu T làm đơn xin được ly hôn với anh Đặng Hoàng A là có căn cứ nghĩ nên chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết .

[3] Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định; thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng ở đây hai người sống với nhau được một đứa con chung, anh A không lo làm ăn nuôi con chung và xây dựng hạnh phúc gia đình, mà anh A thường xuyên ăn chơi không lao động dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, bản thân anh A không quan tâm lo lắng cho mẹ con chị T, dẫn đến hai người phải sống ly thân, tình cảm ngày càng không còn. Nay chị T kiên quyết xin ly hôn với anh Đặng Hoàng A là phù hợp pháp luật.

Từ các cơ sở phân tích trên, thấy rằng mục đích hôn nhân của chị Trần Thị Diệu T với anh Đặng Hoàng A không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy việc chị Trần Thị Diệu T xin ly hôn với anh Đặng Hoàng A. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Diệu T.

[4] Về con chung: Xét nguyện vọng cháu Đặng Trần Thu T, sinh ngày 08/3/2005 muốn sống với mẹ, nên căn cứ Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Trần Thị Diệu T được tiếp tục nuôi cháu Đặng Trần Thu T là phù hợp pháp luật, chị Diệu T không có yêu cầu anh A phụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, và nợ chung: chị Trần Thị Diệu T và anh Đặng Hoàng A trình bày không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí: chị Trần Thị Diệu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 272; và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: các Điều 19;56;69;81;82;83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Diệu T.

Cho chị Trần Thị Diệu T được ly hôn với anh Đặng Hoàng A.

Về con chung: chị Trần Thị Diệu T được trực tiếp nuôi cháu Đặng Trần Thu T, sinh ngày 08/3/2005 theo nguyện vọng của cháu T, anh Đặng Hoàng A không phải cấp dưỡng nuôi cháu T do chị T không yêu cầu.

Anh Đặng Hoàng A được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cấm.

Nợ chung, tài sản chung: chị Trần Thị Diệu T, và anh Đặng Hoàng A khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Trần Thị Diệu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai T tiền số: 0003338 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Nên chị T không phải nộp thêm tiền án phí.

Anh Đặng Hoàng A không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Văn Tâm